Tương Ưng Giới (Dhātu Saṃyutta)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

14. TƯƠNG ƯNG GIỚI (DHẪTUSAMYUTTA)

L PHẨM SAI BIỆT (NẪNATTĂVAGGA)

PHẦN MỘT: NĂM KINH NỘI GIỚI1

I. KINH GIỚI SAI BIỆT (Dhātunānattasutta)2 (5. II. 140) 85. Trú ở Sãvatthi.. —Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cac Ty-kheo ay vang đáp Thê Ton. The Ton nói như sau: Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới9 vị giới5 thiệt thức giới; thân giới, xúc giới5 thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này các Tỷ-kheo9 đây gọi là giới sai biệt. II. KINH XÚC SAI BIỆT (Phassanānattasutta)3 (5. II. 140) 86. Trú ở Sâvatthi... Này các Tỷ-kheo9 do duyên giới sai biệt5 xúc sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo? đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới5 nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên thiệt giới5

1 Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 85-89 trong nhóm 1 (a) Five (Discourses on) Internal Element. nghĩa ìả Nam kỉnh Nội giới. 2 Bản tiếng Anh của PTS: Element, nghĩa là Giới. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.451. 0115c27). 3 Bản tiếng Anh của PTS: Touching, nghĩa ìảXúc. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.452. 0116a05); Tạp. (T.02. 0099.453. 0116a22).

thiệt xúc sanh khởi; do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi. III. KINH KHÔNG PHẢI xúc SAI BIỆT (Nophassanānattasuttà)4 (5. II. 141) 87. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo? như thế nào do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo? do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; không phải do duyên nhĩ xúc? nhĩ giới sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; không phải do duyên tỷ xúc, tỷ giới sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; không phải do duyên thiệt xúc, thiệt giới sanh khởi. Do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; không phải do duyên thân xúc, thân giới sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không

phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. IV. KINH THỌ SAI BIỆT (Vedanãnãnattasuttă)5 (S II. 141) 88. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới? tỷ giới, thiệt giới5 thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo? đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt? thọ sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo? do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên nhĩ xúc? thọ do nhĩ xúc sanh sanh khởi. Do duyên tỷ giói, tỷ xúc sanh khởi; do duyên tỷ xúc9 thọ do tỷ xúc sanh sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; do duyên thiệt xúc, thọ do thiệt xúc sanh sanh khởi. Do duyên

4 Bản tiếng Anh của PTS: And Not ỉn This Way, nghĩa là Và không phải như vậy. 5 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Feeling, nghĩa là Thọ.

thân giới? thân xúc sanh khởi; do duyên thân xúc, thọ do thân xúc sanh sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc5 thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Như vậy? này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt5 thọ sai biệt sanh khởi. V KINH THỌ SAI BIỆT THỨ HAI (Dutìyavedanãnãnattasutta) (S. II. 142) 89. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt5 xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giói, nhĩ giới, tỷ giói, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc9 thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc5 nhãn giới sanh khởi... Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt? thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt? xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

PHÀN HAI: NĂM KINH NGOẠI GIỚI67 8

VI. KINH NGOẠI GIỚI SAI BIỆT (Bãhiradhãtunãnattasutta)1 (S II. 143) 90. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông vê giới sai biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là giới sai biệt? sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới5 pháp giới. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là giới sai biệt. VII. KINH TƯỞNG SAI BIỆT (Sannãnãnattasuttdỷ (S. II. 143) 91. Trú ở Sãvatthi... Này các

Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt? tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thê nào là giới sai biệt? Săc giới, thanh giới? hương giới, vị giới, xúc giới5 pháp giới. Này các Tỷ-kheo5 đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào5 này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi? Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi? Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi? Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên săc giới, săc tưởng sanh khởi. Do duyên sâc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên săc dục? săc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên săc nhiệt tình, săc tâm câu sanh khởi... Này các Tỷ-kheo? do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

6 Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 90-94 trong nhóm 1 (b). Five (Discourses on) External Element, nghĩa là Năm kỉnh Ngoại giới. 7 Bản tiếng Anh của PTS: Element, nghĩa là Giới. 8 Bản tiếng Anh của PTS: Perception, nghĩa là Tưởng. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.454-455. 0116b06-14). ~

Như vậy5 này các Tỷ-kheo5 do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. VIII. KINH KHÔNG PHẢI TẦM CÀU SAI BIỆT (Nopariyesanãnãnattasuttaỷ (S. II. 144) 92. Trú ở Săvatthi... Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt? tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt? nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt5 dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt5 giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là giới sai biệt? sắc giới, thanh giới5 hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt5 tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt5 tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt5 tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi; do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi; do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh

khởi; do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi; do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Kh6ng phải do duyên săc tâm câu, săc nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên săc nhiệt tình, săc dục sanh khởi; không phải do duyên săc dục, săc tư duy sanh khởi; không phải do duyên sắc tư duy, sắc tưởng sanh khởi; không phải do duyên sắc tưởng, sắc giới sanh khởi. Do duyên thanh giới... Do duyên hương giới... Do duyên vị giới... Do duyên xúc giới... Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi; do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi; do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi; do duyên pháp dục5

9 Bản tiếng Anh của PTS: And Not ỉn This Way, nghĩa là Và không phải như vậy.

pháp nhiệt tình sanh khởi; do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi. Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi; không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt9 nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt? dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. IX. KINH NGOẠI xúc SAI BIỆT (Bãhiraphassanãnattasutta)^ (5. II. 146) 93. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo5 do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là giới sai biệt? sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Như thế nào, này các Tỷ-kheo5 do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi. Do duyên sắc xúc5 thọ do sắc xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi. Do duyên thanh giới... Do duyên hương giới... Do duyên vị giới... Do duyên xúc giới... Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi. Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi. Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh

10 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Contact, nghĩa XừXủc.

khởi. Do duyên pháp dục. pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tâm câu sanh khởi. Do duyên pháp tâm câu, pháp sở đăc sanh khởi. Như vậy? này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt... tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt5 sở đắc sai biệt sanh khởi.

X. KINH NGOẠI xúc SAI BIỆT THỨ HAI (Putìyabãhừaphassanãnattasuta) (S. II. 147) 94. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt5 tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... do duyên tâm câu sai biệt, sở đăc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tầm cầu sai biệt? nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt... dục... thọ... xúc... tư duy... tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? sắc giới... pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc...? Không phải do duyên sở đắc sai biệt? tầm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tầm cầu sai biệt? nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc...; không phải do duyên tư duy sai biệt? tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi? Này các Tỷ-kheo5 do duyên sắc giới? sắc tưởng sanh khởi... Do duyên thanh giới... Do duyên hương giới... Do duyên vị giới... Do duyên xúc giới... Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi; do duyên pháp tưởng... pháp tầm cầu sanh khởi; do duyên pháp tầm cầu5 pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở dắc, pháp tâm cầu sanh khởi; không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh sanh khởi; không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi; không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi; không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tầm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt? tầm cầu sai biệt sanh khởi; không

phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi; không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt5 tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt? giới sai biệt sanh khởi.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4VAGGA)

L KINH BẢY GIỚI (Sattadhãtusuttà)n (5. II. 149) 95. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 có bảy giới này. Thế nào là bảy? Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô

biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, Diệt thọ tưởng giới. Này các Tỹ-kheo, có bảy giới này. Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới? Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế Tôn, những giới này do duyên cái gì được hiển lộ? Này cá Tỷ-kheo, Quang giới này, do duyên u ám, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này, do duyên bât tịnh5 giới này được hiên lộ. Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xử giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo5 Thức vô biên xứ giới này, do duyên Không vô biên xứ5 giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo? Vô sở hữu xứ giới này, do duyên Thức vô biên xứ, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo? Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này, do duyên Vô sở hữu xứ, giới này được hiển lộ. Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này, do duyên diệt, giới này được hiển lộ. —Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giói, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới? Phi tưởnệ phi phi tưởng xứ giới, và Diệt thọ tưởng giới, bạch Thế T6n, bảy giới này thiền chứng (samãpattí) như thế nào? —Này các Tỷ-kheo, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới5 Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tưởng thiền chứng (sannãsamãpattĩ) được chứng đắc. Này các Tỷ-kheo? Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư thiền chứng được chứng đắc.

11 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.456. 011ÓC12). Bản tiếng Anh của PTS: These Seven, nghĩa là Bảy pháp.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc. II. KINH CÓ NHÂN (Sanidãnasutta)12 (5. II. 151) 96. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tầm sanh khởi5 không phải không nhân. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo9 có nhân, dục tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tầm sanh khởi, không phải không nhân? Này các Tỷ-kheo, do duyên dục giói, dục tưởng sanh khởi; do duyên dục tưởng, dục tư duy sanh khởi; do duyên dục tư duy, dục dục13 sanh khởi; do duyên dục dục5 dục nhiệt tình sanh khởi; do duyên dục nhiệt tình, dục tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý. Này các Tỷ-kheo? do duyên sân giới9 sân tưởng sanh khởi; do duyên sân tưởng, sân tư duy sanh khởi... sân dục... sân nhiệt tình... sân tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tàm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý. Này các Tỷ"kheo? do duyên hại giới, hại tưởng sanh khởi... hại tư duy... hại dục... hại nhiệt tình... hại tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo5 do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phàm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy không dập tắt gấp với tay và chân, như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ gặp bất hạnh và tai họa. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo? vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với tưởng bât chánh khởi lên5 không gâp từ bỏ, nhiêp

phục, châm dứt, tiêu diệt; vị ây ngay trong hiện tại trú trong đau khổ? với phiền lao, với sầu não5 với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú. Này các Tỷ-kheo? có nhân, xuất ly tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tầm sanh khởi, không phải không nhân. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, có nhân, xuất ly tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tầm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tầm sanh khởi5 không phải không nhân? Này các Tỷ-kheo5 do duyên xuất ly giới, xuất ly tưởng sanh khởi; do duyên xuất ly tưởng, xuất ly tư duy sanh khởi; do duyên xuất ly tư duy, xuất

12 Tham chiếu: Tạp..(T.02. 0099.449. Ồ115cỒ6)ị Tạp A-h0m kinh (T.02. 0101.20. 0497c 13); Phật thuyết Tương ưng tương khả kỉnh (T.02. 0111. 0504Ồ26). 13 Kãmacchanda. Kama (dục) có liên hệ đến các căn, Chanda (dục) không liên hệ đến các căn.

ly dục (chanda) sanh khởi; do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt não sanh khởi; do duyên xuất ly nhiệt não. xuất ly tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tâm câu xuất ly tâm câu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ? ý. Này các Tỷ-kheo, do duyên vô sân giới9 vô sân tưởng sanh khởi; do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi... vô sân dục... vô sân nhiệt tình... vô sân tầm cầu sanh khởi. Này các Ty.kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu? vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý. Này các Tỷ-kheo. do duyên bất hại giới, bất hại tưởng sanh khởi; do duyên bất hại tưởng, bất hại tư duy sanh khởi; do duyên bất hại tư duy, bất hại dục sanh khởi; do duyên bất hại dục? bất hại nhiệt tình sanh khởi; do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên tam cầu bất hại tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ? ý. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân dập tắt gấp bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với tưởng bất chánh khởi lên, gấp từ bỏ? nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong an lạc, không có phiền lao, không có sầu não? không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú. III. KINH CẤN NHÀ BẢNG GẠCH (Giụịakãvasathasutta)14 (S. II. 153) 97. Một thời, Thế Tôn trú ở Nãtika, tại căn nhà bằng gạch. Tại đây5 The Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Thê Tôn. Thê Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo5 do duyên giới? tưởng sanh khởi, kiến sanh khởi, tầm sanh khởi. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccãna bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, kiến này giữa những vị không Chánh đẳng Chánh giác, có vị Chánh đẳng chánh giác; bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ? -Lớn thay! Này Kaccãna, là giới này, tức là vô minh giới. Này Kaccãna, do duyên liệt (hĩna) giới, liệt tưởng, liệt kiến5 liệt tầm, liệt tư (cetanã). liệt hy vọng (patthanã), liệt ước nguyện, liệt nhân (puggala), liệt ngữ sanh khởi; liệt là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày9 vị ấy đề xướng,

14 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.457. 0117a03).

vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng liệt là sự thọ sanh (uppattí) của vị ây. Này Kaccãna, do duyên trung giới, trung tưởng, trung kiến, trung tàm, trung tư,Ạ trung hy vọng, r trung ước rnguyện, trung nhân, ỉ \ trung ngữ sanh \ khởi; trung N r là điêu vị ây nói, vị ây thuyêt, vị ây trình bày, vị ây đê xướng, vị ây hiên th] vị ây phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng trung là sự thọ sanh của vị ấy. Này Kaccãna, do duyên thắng giới, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tầm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi; thắng là điều vị ấy nói, vị ây thuyêt, vị ây trình bày5 vị ây đê xướng, vị ây hiên thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói răng thăng là sự thọ sanh của vị ấy.

IV. KINH LIỆT Ý CHÍ (Hĩnãdhimuttikasutta)15 (S II. 154) 98. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp9 cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. V. KINH ĐI CÙNG NHAU (Cankamasutta)i6(y II. 155) 99. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bây giờ, Tôn giả Sãriputta cùng với một sô đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Mahãmoggallãna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Mahãkassapa cùng với một sô đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? không xa Thế Tôn bao nhiêu.

15 Adhìmutti: Ý chí, thắng giải, xu hướng. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.445. 0115a05).
16 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.447. 0115a24); Tăng.(7.02. 0125.49.3. 0795b20).

Tôn giả Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Punna Mantãniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả upãli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Tôn giả Ảnanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Devadatta cùng với một sổ đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Sãriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? Thưa c6, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo? tất cả Tỷ-kheo ấy là

bậc Đại Trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, cảc ông cỏ thấy Moggallãna cùng với một số đông Tỷkheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thể Tôn. Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Thần thông. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ"kheo đang đi kinh hành? -Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo? tất cả Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh Đầu-đà. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷkheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc có Thiên nhãn. Này các Tỷ-kheo? các ông có thấy Punna Mantãniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo? tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Thuyết pháp. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy upãli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Trì luật. Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Ảnanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? —Thưa c6, bạch Thế Tôn.

404 KINH TƯƠNG ƯNG Bô II. THIÊN NHÂN DUYÊN

Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đa văn. Này các Tỷ-kheo? các ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành? - Thưa có, bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo9 tất cả Tỷ-kheo ấy là ác dục. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời quá khứ5 các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp5 cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. VI. KINH CÓ KỆ (Sagãthãsuttă)^ (5. II. 157) 100. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Ví như, này các Tỷ-kheo5 phẩn cùng hòa hợp, cùng đi với phẩn; nước tiểu cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi

17 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.446. 0115al2); Tạp.(T.02. 0099.448. 0115Ồ24).

với máu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ... Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thục tô cùng hòa hợp, cùng đi với thục tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới? các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ... Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: Liên lạc, dục tình sanh, Liên lạc, không được đoạn, Như leo tấm ván nhỏ, Bị chìm giữa sóng lớn. Cũng vậy, đến kẻ nhác, Kẻ sống thiện cũng chìm. Do vậy hãy tránh xa, Kẻ nhác, không tinh tấn.

406 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ II. THIÊN NHÂN DUYÊN

Hãy cộng trú bậc Hiền, Bậc Thánh sống viễn ly, Thường siêng năng tinh tấn, Tinh cần tu thiền tịnh. VIL KINH HÒA HỢP VỚI KẺ BẤT TÍN (Assaddhasamsandanasutta)^ (S II. 159) 101. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ khônệ biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biêng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng

sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới5 các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biêt thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biểt sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi.

18 Bản tiếng Anh của PTS: Unbelievers, nghĩa là Những kẻ bất tín.

Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín; kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. VIIL KINH BẮT ĐÀU BẰNG KẺ BẤT TÍN (Assaddhamũlakasuttaỹ9 (S II. 160) 102. Trú tại Sãvatthi...
Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo gi&i, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Như vậy5 điều thứ nhất cần phải hiêu rộng. Này các Tỷ-kheo5 tùy thuộc theo giới...19

19 Bản tiếng Anh của PTS: The Five Based on 4 Unbelievers', nghĩa là Năm trường hợp liên hệ kẻ bất tỉn.

r • ĩ Kẻ bât tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bât tín. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai...thời hiện tại... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới... Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời

quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới... Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... IX. KINH BẮT ĐÀU BẰNG KẺ KHÔNG BIÉT THẸN (Ahiríkamũlakasutta)2ồ (S II. 162) 103. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy theo giới... Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ... Kẻ không biêt thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biêt thẹn. Kẻ biêng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ... Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.*

20 Bản tiếng Anh của PTS: The Four Based on 'The Unconscientiousness 5, nghĩa là Bốn trường hợp liên hệ kẻ không biết thẹn.

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp5 cùng đi

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... XII. KINH BẮT ĐÀU BẰNG KẺ BIẾNG NHÁC (Kusĩtamũlakasutta)23 (S. II. 165) 106. Trú ở Sãvatthi... —Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới5 các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. ... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

23 Bản tiếng Anh của PTS: The Lazy, nghĩa là Kẻ biếng nhác.

in. PHẨMNGHIỆPĐẠO (KAMMAR4THAK4GGA)

L KINH KHÔNG TỊCH TỊNH (Asamãhitasuttd) (S. II. 166) 107. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giói, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biêt thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ không tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tịch tịnh. Kẻ ác tuệ cùng hòa

hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt thẹn. Kẻ biêt sợ tội lôi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tịch tịnh. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. II. KINH ÁC GIỚI (Dussĩlasutta) (S. II. 166) 108. Trú ở Sâvatthi... -Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giói, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ bât tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bât tín. Kẻ không biêt thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biêt sợ tội lôi. Kẻ ác giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ. Kẻ có tín cùnẸ hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt thẹn. Kẻ biêt sợ tội lôi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biêt sợ tội lỗi. Kẻ trì giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ. III. KINH NĂM HỌC PHÁP (Pancasikkhãpadasutta) (S II. 167) 109. Trú ở Sãvatthi... -Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp,

cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men rượu nấu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men rượu nấu. Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp5 cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lây vật không cho. Kẻ không tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men rượu nấu cùng hòa hợp? cùng đi với kẻ không đắm say rượu men rượu nâu. IV. KINH BẢY NGHIỆP ĐẠO (Sattakammapathasutta) (S. II. 167) 110. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiêm. Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lây vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp? cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. V. KINH MƯỜI NGHIỆP ĐẠO (Dasakammapathasutta) (5. II. 167) 111. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ sát sanh cùng hòa hợp% cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù

phiêm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến. Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục.

Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm cùng hòa hợp, cùnệ đi với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiên. VI. KINH TÁM CHI (Affhangikasutta) (S II. 168) 112. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định. VII. KINH MƯỜI CHI (Dasangasutta) (5. II. 168) 113. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp5 cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.

IV PHẨM THỨ Tư (CATUTTHAK4GGA)

L KINH BỐN GIỚI (Catudhãtusutta)24 (5. II. 169) 114. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại vưởn ông Anãthapindika. - Này các Tỷ-kheo5 có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Này các Tỷ-kheo, đây là bôn giới này. II. KINH TRƯỚC KHI CHỨNG QUẢ CHÁNH ĐẲNG GIÁC (Pubbesambodhasutta)25 (5. II. 169) 115. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt5 cái gì là nguy hiêm, cái gì là sự xuât ly của địa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong gi&i?" Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Lạc gi? hỷ gi khởi lên do duyên địa giới là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khô? biên hoại của địa giới là nguy hiêm của địa giới. Sự

nhiếp phục dục và tham (chandarãgă), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa gi&i." "Lạc gi, hỷ gì khởi lên do duyên thủy gi&i..." "Lạc gì5 hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới..." uLạc gi, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ9 biến hoại của phong giới là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới.,, Này các Tỷ-kheo5 cho đến khi nào đối với bốn giới này Ta chưa như thật thắng tri (abbhannãsimỴ như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo5 Ta chưa chứng ngộ5 chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 với chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo? cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta như thật thắng

24 Bản tiếng Anh của PTS: The Four, nghĩa là Bốn. 25 Bản tiếng Anh của PTS: Before, nghĩa là Trước.

tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo5 Ta đã chứng ngộ, đã chửng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, với chư thiên và loài người. Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu? nay không còn tái sanh nữa.?, III. KINH TA ĐÃ ĐI (Acarimsuttd) (S. II. 171) 116. Trủ ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thây vị ngọt ây. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy. Này các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy. Này các Tỷ-kheo9 Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới... Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy. Nảy các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm được sự nguy hiêm của phong giới; với trí tuệ? Ta đã khéo thây nguy hiêm ây. Này các Tỷ-kheo5 Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới; với trí tuệ5 Ta đã khéo thây sự xuất ly ây. Này các Tỷ-kheo5 cho đên khi nào đôi với bôn giới này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn5 với chư thiên và loài người. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiêm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuat ly; thời này các T-kheo, Ta đã chứng ngộ5 đã chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới5 Ma giới5 Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn9 với chư thiên và loài người. Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu? nay không còn tái sanh nữa." IV. KINH NẾU KHÔNG CÓ CÁI NÀY (Nocedamsutta) (5. II. 172) 117. Trú ở

Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo5 nếu không có vị ngọt của địa giới5 thời chúng sanh có thể không tham đăm địa giới. Và vì răng, này các Tỷ-kheo5 có vị ngọt của địa giới, do vậy, chúng sanh tham đắm địa giới.

Này các Tỷ-kheo? nếu không có nguy hiểm của địa giới? thời chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 có nguy hiểm của địa giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới. Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly địa giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 có sự xuất ly của địa giới5 do vậy, chúng sanh xuất ly địa giới. Này các Tỷ-kheo? nếu không có vị ngọt của thủy giới... Này các Tỷ-kheo5 nếu không có vị ngọt của hỏa giới... Này các Tỷ-kheo. nếu không có vị ngọt của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo? có vị ngọt của phong giới, do vậy? chúng sanh tham đắm phong giới. Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của phong giới? thời chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo5 có nguy hiểm của phong giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán phong giới. Và này các Tỷ-kheo9 nếu không có sự xuất ly của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuât ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt5 như vậy nguy hiểm là nguy hiểm? như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo? các chúng sanh này không sông với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa- môn5 Bà-la-môn, với chư thiên và loài người. Và này các Tỷ-kheo? cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo? các chúng sanh này sông với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên gi&i, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người. V KINH KHỔ VÔ CÙNG (Ekantadukkhasutta)26 (S. II. 173) 118. Trú ở Sãvatthi... Này các Tỷ-kheo? nêu địa giới thuân khô? đây những khô? chìm đăm trong khổ? không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo? địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy5 chúng sanh tham đắm địa giới. Này các Ty.kheo, nếu thủy giới... Này các Tỷ-kheo5 nếu hỏa giới... Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khổ9 đầy những khổ, chìm đắm

26 Bản tiếng Anh của PTS: Pain, nghĩa là Khổ.

trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham

đm

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.